TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/DS-PT
Ngày: 19-02-2021
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLPT- DS ngày 19/10/2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS – ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1992/2020/QĐ-PT ngày 18/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Trương Xuân V, sinh năm 1935; địa chỉ cư trú: Thôn 5 Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Minh Đ, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Thôn 5 Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình, đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Bắc V, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Minh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Hồng D – Phó Trưởng phòng Tài nguyên – Môi trường huyện M (Theo văn bản ủy quyền số 1250/GUQ-CT ngày 31/12/2020 của chủ tịch UBND huyện M)

3.2 Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, đại diện theo pháp luật: ông Trương Thanh D, chức vụ Chủ tịch UBND xã, người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Minh D – Công chức địa chính xã.

3.3 Bà Trương Thị H, địa chỉ: thôn 5, Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.4 Bà Trương Thị H, địa chỉ: thôn 5Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.5 Ông Trương Xuân Duế, địa chỉ: thôn 5 Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.6 Anh Trương Xuân Toàn địa chỉ: thôn 5Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.7 Chị Trương Thị Tường, địa chỉ: thôn 5Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.8 Anh Đinh Văn Lương, địa chỉ: thôn 5Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà H, bà H, ông D, anh T, chị T, anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt và cùng ủy quyền cho ông Đinh Minh L, địa chỉ : Thôn 5, Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình). Ông L có mặt.

3.9 Bà Trương Thị Bông (vợ ông Trương Minh Đ) địa chỉ Thôn 5, Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng.

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Phạm Thanh X, địa chỉ: Hạt Kiểm lâm huyện M, tỉnh Quảng Bình

4.2 Ông Cao Văn B, địa chỉ liên hệ : Hội Cựu chiến binh xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

4.3 Ông Cao Văn D, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình

4.4 Ông Đinh Ngọc B, địa chỉ: thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

4.5 Ông Thái Xuân Đ, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình

(Các người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa)

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Trương Minh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, đại diện của nguyên đơn ông Trương Xuân V trình bày:

Gia đình ông Trương Xuân V và bà Trương Thị V (chết năm 2017) được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 27.762m^2 thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 27, tại đồi C, thôn 5 Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 721550 ngày 10/12/2008. Quá trình sử dụng đã bị ông Trương Minh Đ lấn chiếm khoảng 6.745 m^2, ông V đã nhiều lần gặp ông Đ để yêu cầu trả đất lấn chiếm nhưng ông Đ vẫn không trả lại, ông V cũng đã đề nghị UBND xã T, huyện M giải quyết nhưng không được. Do đó ông khởi

kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ phải trả lại diện tích đã lấn chiếm của ông.

Bị đơn ông Trương Minh Đ trình bày: Toàn bộ diện tích đất mà hộ ông Trương Xuân V khởi kiện là diện tích đất đã được ông khai hoang phục hóa từ năm 1977 cho đến nay. Từ khi khai hoang cho đến nay, ông chủ yếu làm nông nghiệp. Đến năm 2007 khi nhà nước có chủ trương giao rừng cho dân bảo vệ thì UBND xã T có gặp ông và nói đất của ông làm đến đâu thì chốt ngay chỗ đó, số rừng còn lại UBND xã sẽ chia cho dân trong xã. Năm 2008, UBND xã có thông báo ai có đất riêng thì được lập danh sách để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến khi ông đi đăng ký thì ông L là trưởng thôn nói là gia đình ông không đăng ký nên ông không được UBND huyện M cấp đất tại vị trí mà ông khai hoang phục hóa. Việc ông V khởi kiện ông về việc ông lấn chiếm đất của ông V là không đúng, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình đã quyết định: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 và Điều 189 của Bộ luật Dân sự; Điều 50, Điều 105 Luật đất đai năm 2003; Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Xuân V về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trương Minh Đ.

Buộc ông Trương Minh Đ phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 1.563m^2 tại tờ bản đồ số 67, thửa đất số 27, cho ông Trương Xuân V. Cụ thể: Cạnh phía Nam giáp đất ông Trương Xuân V từ điểm 5 đến điểm 7 (từ điểm 5 đến điểm 6 dài 32,88 m, từ điểm 6 đến điểm 7 dài 43,17 m); cạnh phía Tây giáp đất ông Cao Duy Đ từ điểm 7 đến điểm 8 dài 22,36 m; cạnh phía Bắc giáp đất ông Trương Xuân V từ điểm 8 đến điểm 11 (từ điểm 8 đến điểm 9 dài 19,60 m, từ điểm 9 đến điểm 10 dài 30,20m, từ điểm 10 đến điểm 11 dài 43,98 m); cạnh phía Đông giáp đất Trương Xuân D từ điểm 11 đến điểm 5 dài 28,40 m (có bản đồ kèm theo).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Xuân V phần diện tích 1.661 m^2.

Buộc ông Trương Xuân V phải trả lại giá trị cây trồng cho ông Trương Minh Đ số tiền 1.965.000đ. Ông Trương Xuân V được sở hữu số cây Keo khoảng dưới 01 năm tuổi của ông Đ.

Đề nghị Uỷ ban nhân dân huyện M điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trương Xuân V thửa đất số 67, tờ bản đồ số 27 với diện tích 27.762 m^2, địa chỉ thửa đất: đồi C, thôn 5 Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Diện tích đất 27762 m^2 của ông Trương Xuân V được trừ đi phần diện tích đất của ông Trương Minh Đ là 1.661 m^2.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04/9/2020, bị đơn ông Trương Minh Đ có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung: Không đồng ý với quyết định đã tuyên của bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Trương Xuân V phải trả lại quyền sử dụng đất cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn diện tích 1.563m^2 đất đã lấn chiếm, đình chỉ đối với yêu cầu đòi lại 1.661m^2 do nguyên đơn rút đơn khởi kiện, bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn các loại án phí cho bị đơn.

Sau khi xem xét nội dung kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên; nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 26 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa xét xử sơ thẩm và ban hành Bản án số 22/2020/DS-ST về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, ngày 04/9/2020 bị đơn ông Trương Minh Đ làm đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

Ông Trương Xuân V khởi kiện đòi lại đất bị ông Trương Minh Đ lấn chiếm, diện tích này đã được UBND huyện Minh Hóa cấp GCNQSDĐ số AO 721550 ngày 10/12/2008 cho ông V, bà V. Bà V chết năm 2017 nhưng khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của bà Trương Thị Văn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án là thiếu sót. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các con của bà V, ông V gồm: bà Trương Thị H, bà Trương Thị H, ông Trương Xuân D, anh Trương Xuân T, chị Trương Thị T, anh Trương Văn L đã ủy quyền cho ông Đinh Minh L tham gia tố tụng và trình bày ý kiến thống nhất theo quan điểm trình bày của ông V, không có ý kiến hay yêu cầu gì, do đó xét quyền và lợi ích hợp pháp của những người này không bị ảnh hưởng nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải hủy án mà sửa bản án sơ thẩm, đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Trương Minh Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Xuân V về việc buộc ông Trương Minh Đ trả lại diện tích 1.563m^2, thuộc tờ bản đồ số 67, thửa đất số 27 xã T, huyện M:

Về nguồn gốc của thửa đất đang tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai tại phiên toà có đủ cơ sở để xác định đất của ông V, bà V được UBND huyện Minh Hóa cấp đất vào năm 2008, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 27 với diện tích 27.762 m^2 tại địa chỉ thửa đất đồi C thôn 5 Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 721550 ngày 10/12/2008 mang tên ông Trương Xuân V và bà Trương Thị V. Mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất khoanh nuôi bảo vệ, hiện diện tích tranh chấp 1.563m^2 đang nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trương Xuân V và bà Trương Thị V.

Xét lời trình bày của ông Trương Minh Đ về nguồn gốc đất ông đã khai hoang phục hóa vùng đất bằng dưới chân đồi Cồn Lim, phần diện tích này ông chủ yếu trồng lúa và cây nông nghiệp (khoảng năm 1977) trước khi nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2000. Việc ông khai hoang phục hóa không có sự cho phép của UBND xã T hoặc huyện M mà tự mình khai hoang. Vào năm 2007 khi Nhà nước có chủ trương giao rừng cho dân bảo vệ thì UBND xã T có gặp ông và nói đất của ông làm đến đâu thì chốt ngay chỗ đó, số rừng còn lại UBND xã sẽ chia cho dân trong xã. Năm 2008, UBND xã có thông báo ai có đất riêng thì được lập danh sách để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thời điểm đó phần đất ông khai hoang một phần nằm trong khu vực rừng phòng hộ còn phần dưới chân đồi mới được trồng cây nông nghiệp. Ông Đ cho rằng ông có kê khai và nộp cho Thôn – thời điểm đó trưởng thôn là ông Đinh Minh L nhưng ông L không cho, tại phiên tòa ông L không thừa nhận nội dung này và ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, không có căn cứ để xác nhận lời trình bày của ông Đ là có cơ sở. Ông Đ cũng đã kê khai và cũng đã được UBND huyện M cấp quyền sử dụng ở vùng đất này như những hộ dân khác. Việc không được cấp đất khai hoang là vì không thực hiện đúng chủ trương của UBND huyện và xã giao đất trồng rừng nên gia đình ông không được đăng ký và không được UBND huyện M cấp đất tại vị trí mà ông khai hoang phục hóa.

[3.2]. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Đ khai hoang phục hóa ở phía đất bằng dưới chân đồi Cồn Lim là có thật, nhưng phần đất sát chân đồi là vùng đất mà ông Đ đã lấn chiếm lên phía đỉnh đồi để trồng cây Keo, tất cả phần đất ông Đ khai hoang phục hóa và phần đất ở vùng chân đồi do ông lấn vào đất của ông V đều nằm trong diện tích đất của ông V đã được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất khoanh nuôi bảo vệ. Ông Đ không chứng minh được phần đất vùng chân đồi là của mình đang khai hoang và sản xuất nông nghiệp đã được kê khai theo quy định của pháp luật về đất đai. Mặt khác, Sau khi có chủ

trương cấp đất cho các hộ dân theo chương trình của dự án thì UBND xã đã cử cán bộ dẫn đạc và làm các thủ tục để trình UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, không ai có khiếu nại, khiếu kiện gì. Ông Đ khai hoang, canh tác nhưng không được sự cho phép của cấp có thẩm quyền, khi phát xẻ, ông Đ đã bị UBND xã T lập biên bản xử phạt hành chính không cho phát xẻ để trồng cây và ông Đ thừa nhận đã bị phạt hành chính về việc này.

Lời khai của các người làm chứng thể hiện trong hồ sơ vụ án ông Thái Xuân Đ, Cao Văn B đều xác định: Việc ông Đ có khai hoang, sử dụng nhưng không được cấp có thẩm quyền cho phép, riêng phần trồng cây lên phía đỉnh đồi là đất rừng phòng hộ, không được trồng khi chưa cho phép.

Qua những phân tích trên, có cơ sở khẳng định việc ông Đ đã lấn chiếm đất vùng chân đồi của đất đã cấp ông V với diện tích 1.563m^2 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông Đ trả lại diện tích 1.563m^2 tại thửa số 67, tờ bản đồ số 27 xã T, huyện M cho nguyên đơn ông V là có căn cứ, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đ.

[4]. Đối với diện tích 1.661 m^2 thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 27, tại đồi Cồn Lim, thôn 5 Yên Thọ, xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 721550 ngày 10/12/2008 mang tên ông Trương Xuân V và bà Trương Thị V, bị đơn ông Trương Minh Đ và nguyên đơn ông Trương Xuân V đều thừa nhận là phần đất do ông Đ khai hoang, tại phiên tòa sơ thẩm, đây là phần đất mà ông Đ đã khai hoang và canh tác, sử dụng từ trước, (theo kết quả đo đạc, thẩm định ngày 07/11/2019 của Hội đồng thẩm định do Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thành lập), các đương sự thừa nhận diện tích đất này là của ông Đ – là tình tiết không phải chứng minh, Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông V đã rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Đ trả lại diện tích này, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông V về yêu cầu ông Đ trả 1.661m^2 là có căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, sau khi án có hiệu lực pháp luật, các bên đương sự tự liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để điều chỉnh lại biến động đất theo thực tế sử dụng.

[5]. Trên diện tích 1.563m^2 tại thửa số 69, tờ bản đồ số 27 xã T, huyện M, bị đơn ông Đ lấn chiếm của nguyên đơn ông V, ông Đ đã trồng cây keo khoảng 01 năm. Căn cứ vào kết quả định giá Tòa án cấp sơ thẩm giao cho nguyên đơn được sở hữu số cây này và buộc nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền 1.965.000 đồng giá cây trồng là đúng quy định.

[6]. Từ các phân tích trên và thấy việc kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về Án phí: Bị đơn kháng cáo không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do bị đơn là người cao tuổi, nên miễn toàn bộ án phí vụ kiện cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 272, Điều 273, khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166, Điều 189 và Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 50, Điều 105 Luật đất đai 2003; Điều 106,166, 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Minh Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 22/2020/DS-ST, ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

2. Buộc ông Trương Minh Đ phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 1.563 m^2 tại tờ bản đồ số 67, thửa đất số 27 xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình cho ông Trương Xuân V cụ thể: cạnh phía Nam giáp đất ông Trương Xuân V từ điểm 5 đến điểm 7 (từ điểm 5 đến điểm 6 dài 32,88 m, từ điểm 6 đến điểm 7 dài 43,17 m); cạnh phía Tây giáp đất ông Cao Duy Đ từ điểm 7 đến điểm 8 dài 22,36 m; cạnh phía Bắc giáp đất ông Trương Xuân V từ điểm 8 đến điểm 11 (từ điểm 8 đến điểm 9 dài 19,60 m, từ điểm 9 đến điểm 10 dài 30,20 m, từ điểm 10 đến điểm 11 dài 43,98 m); cạnh phía Đông giáp đất Trương Xuân D từ điểm 11 đến điểm 5 dài 28,40 m(có bản đồ kèm theo).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Xuân V về việc yêu cầu ông Trương Minh Đ trả lại diện tích 1.661 m^2 thuộc thửa số 67, tờ bản đồ 27 xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

4. Buộc ông Trương Xuân V phải trả lại giá trị cây trồng trên diện tích 1.563m^2 đất thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 27 xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình cho ông Trương Minh Đ với số tiền 1.965.000 đồng, ông Trương Xuân V được sở hữu số cây keo tràm khoảng dưới 01 năm tuổi trồng trên phần đất này của ông Đ.

5. Về án phí: Ông Trương Minh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho ông Trương Minh Đ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0004353 ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Trả lại cho ông Trương Xuân V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tai biên lai số 0004133 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình;

6. Bản án có hiệu lực pháp luật, các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan chức năng để điều chỉnh biến động đất theo đúng quy định của luật đất đai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 19/02/2021).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Đức Long

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Minh Hóa;
- Chi cụcTHADS huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.